

Bản án số: 1110/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm: 1970; Địa chỉ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);
2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Cao M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc G trình bày ông và bà Đinh Thị Cao M tự nguyện sống chung từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 10 tháng 11 năm 2003.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, không ai nhường nhịn ai nên thường xuyên cãi vã, bà M là người không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên không chăm lo cho con cái, cứ hay đi đi về về, ông có khuyên can nhưng bà M vẫn không sửa chữa, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn tới mất hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Do vậy bà không thể tiếp tục sống chung với bà M được nữa.

Ông và bà M đã không còn sống chung từ đầu năm 2018 cho đến nay và nhận thấy không còn tình cảm nên xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông xác định có 02 con chung tên Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày: 16/9/2003 và Nguyễn Phúc Vĩnh K, sinh ngày: 30/9/2012. Trẻ Vĩnh K bị khuyết tật và hiện cả 02 trẻ đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Bị đơn Đinh Thị Cao M đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 6 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Đinh Thị Cao M có nơi cư trú tại, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Ông Nguyễn Ngọc G và bà Đinh Thị Cao M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 10 tháng 11 năm 2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, bà M là người không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù ông G có khuyên can nhưng bà M vẫn không sửa chữa, gây mất hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G và bà M là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 69 ngày 26/5/2004 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, trích lục khai sinh số 621/TLKS-BS ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định ông G và bà M có 02 con chung tên Nguyễn V, sinh ngày: 16/9/2003 và Nguyễn Phúc Vĩnh K, sinh ngày: 30/9/2012. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày cả 02 trẻ đang sống chung với ông, đồng thời trẻ Vĩnh K bị khuyết tật vận động nên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, do vậy, để ổn định tâm sinh lý và đảm bảo điều kiện sống cho trẻ Vĩnh T và Vĩnh K, tiếp tục giao 02 trẻ cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc G.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc G và bà Đinh Thị Cao M.

(Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc G và bà Đinh Thị Cao M được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 10 tháng 11 năm 2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày: 16/9/2003 và Nguyễn Phúc Vĩnh K, sinh ngày: 30/9/2012 cho ông Nguyễn Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông G về việc không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc ông Nguyễn Ngọc G phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0022290 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông G đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thor